

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22832302] - Thực tập hệ thống
điều hòa không khí cục bộ (CCQ2218A)
CBGD: Trương Thị Kim Chi (280039)

Số SV có mặt: 14.....
Số bài thi: 14.....
Số tờ giấy thi:.....

Thị
Trương Thị Kim Chi
Thuy
Thị
Trương Thị Kim Chi
Thuy
Thị
Trương Thị Kim Chi

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122180068	Nguyễn Thái	Bảo	26/02/2004	CCQ2218B					
2	2122180057	Võ Trương	Đông	01/01/2004	CCQ2218B		<i>Sue</i>	7.0	8.0	7.6
3	2122180051	Nguyễn Tùng	Dương	20/11/2004	CCQ2218B		<i>Rock</i>	7.5	8.0	7.8
4	2122180047	Phan Phú	Gia	26/12/2002	CCQ2218B		<i>Ph</i>	8.5	9.0	8.8
5	2122180052	Trần Văn	Giang	08/03/2004	CCQ2218B		<i>Uy</i>	7.5	8.0	7.8
6	2122180065	Nguyễn Nhất	Huy	26/11/2003	CCQ2218B		<i>thuy</i>	7.5	8.0	7.8
7	2123180036	Hồ Vĩnh	Khang	26/10/2005	CCQ2318B					
8	2122180041	Nguyễn Hoàng	Khôi	08/03/2004	CCQ2218B		<i>Khôi</i>	8.5	9.0	8.8
9	2122180062	Nguyễn Hữu	Kiên	09/11/2003	CCQ2218B		<i>h</i>	5.5	0	2.2
10	2122180042	Nguyễn Huỳnh Tuấn	Kiệt	23/03/2004	CCQ2218B					
11	2122180060	Trần Quốc	Kiệt	07/12/2004	CCQ2218B					
12	2122180001	Phạm Huỳnh Nhật	Tân	15/10/2000	CCQ2218A		<i>Zou</i>	7.5	8.5	8.1
13	2122180031	Lê Thanh	Thế	22/02/2004	CCQ2218A		<i>Thế</i>	7.0	8.0	7.6
14	2122180030	Huỳnh Minh	Toàn	20/10/2004	CCQ2218A		<i>Ty</i>	8.0	8.5	8.3
15	2122180010	Hà Hữu	Truyền	13/05/2002	CCQ2218A		<i>Truyền</i>	8.0	8.5	8.3
16	2122180022	Nguyễn Hoàng	Tú	26/02/2004	CCQ2218A		<i>Tu</i>	7.5	8.0	7.8
17	2122180017	Nguyễn Ngọc	Tường	11/09/2004	CCQ2218A					
18	2122180018	Nguyễn Nghi	Văn	06/04/2004	CCQ2218A		<i>Nghi</i>	8.0	8.5	8.3
19	2122180033	Nguyễn Thành	Vạn	19/02/2004	CCQ2218A		<i>Van</i>	8.0	8.5	8.3

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22832303] - Thực tập hệ thống
điều hòa không khí cục bộ (CCQ2218B)

CBGD: Đỗ Quang Huy (280022)

Số SV có mặt: 16...

Số bài thi: 16...

Số tờ giấy thi: 16...

Đỗ Quang Huy *Đỗ Quang Huy* *Đỗ Quang Huy* *Đỗ Quang Huy*
Kim Chi *Kim Chi* *Kim Chi* *Kim Chi*

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122180054	Trần Văn	Nam	03/08/2004	CCQ2218B		<i>Trần Văn</i>	8,2	8,2	8,2
2	2122180053	Nguyễn Tấn	Nghĩa	18/12/2003	CCQ2218B		<i>Nguyễn Tấn</i>	6,3	6,3	6,3
3	2122180043	Văn Thanh	Nhật	24/01/2004	CCQ2218B		<i>Nhật</i>	8,0	8,0	8,0
4	2122180037	Phạm Văn	Nhon	05/11/2004	CCQ2218B		<i>Nhon</i>	7,3	7,3	7,3
5	2122180044	Huỳnh Nhật	Quang	10/08/2004	CCQ2218B		<i>Quang</i>	7,8	7,8	7,8
6	2122180066	Trương Văn	Thế	27/01/2004	CCQ2218B		<i>Thế</i>	7,2	7,2	7,2
7	2122180048	Võ Văn	Thiên	12/08/2004	CCQ2218B		<i>Thiên</i>	7,8	7,8	7,8
8	2122180064	Bùi Ngọc	Thiện	04/10/2004	CCQ2218B		<i>Thiện</i>	7,7	7,7	7,7
9	2122180046	Nguyễn Văn	Thiệt	13/11/2004	CCQ2218B		<i>Thiệt</i>	8,3	8,3	8,3
10	2122180056	Nguyễn Văn	Tiến	06/09/2003	CCQ2218B			3,7		
11	2122180035	Phạm Đình	Tiến	30/03/2004	CCQ2218B		<i>Tiến</i>	8,3	8,3	8,3
12	2122180039	Trần Văn	Tiến	05/11/2004	CCQ2218B		<i>Tiến</i>	8,3	8,3	8,3
13	2122180063	Trần Quốc	Tính	17/08/2004	CCQ2218B		<i>Tính</i>	7,5	7,5	7,5
14	2122180055	Nguyễn Tấn	Trung	16/07/2004	CCQ2218B		<i>Trung</i>	7,5	7,5	7,5
15	2122180038	Nguyễn Đình	Trường	01/10/2004	CCQ2218B		<i>Trường</i>	7,7	7,7	7,7
16	2122180059	Báo Văn Anh	Tuấn	22/06/2004	CCQ2218B		<i>Tuấn</i>	8,3	8,3	8,3
17	2122180058	Lê Hùng	Vương	12/08/2004	CCQ2218B		<i>Vương</i>	8,2	8,2	8,2